

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 686/BTP-BTTP

V/v: tổng kết thực hiện Chiến lược
phát triển nghề luật sư đến năm 2020

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2020

Kính gửi:

Ngày 05/7/2011, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1072/QĐ-TTg phê duyệt “Chiến lược phát triển nghề luật sư đến năm 2020” (Chiến lược). Chiến lược được ban hành với những chủ trương, chính sách lớn, các giải pháp cụ thể, là cơ sở pháp lý quan trọng trong việc phát triển nghề luật sư ở Việt Nam giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2020.

Để đánh giá về tình hình, kết quả sau 10 năm thực hiện, là cơ quan đầu mối giúp Thủ tướng Chính phủ tổ chức thực hiện Chiến lược, Bộ Tư pháp đề nghị Quý cơ quan, tổ chức báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện Chiến lược theo các nhiệm vụ được phân công tại Mục IV của Chiến lược ban hành kèm theo Quyết định số 1072/QĐ-TTg ngày 05/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch tổng thể triển khai Chiến lược ban hành kèm theo Quyết định số 2320/QĐ-BTP ngày 13/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Báo cáo bằng văn bản đề nghị gửi về Bộ Tư pháp trước ngày 30.../4.../2020, đồng thời gửi qua địa chỉ thư điện tử: linhpt@moj.gov.vn.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý cơ quan, tổ chức.

(Kèm theo Công văn này 03 Đề cương và 04 phụ lục Báo cáo. Chiến lược và Kế hoạch tổng thể triển khai Chiến lược được đăng tải trên trang Bỏ trợ tư pháp của Cổng thông tin Bộ Tư pháp: www.moj.gov.vn/bttp).

Trong trường hợp cần thông tin chi tiết, đề nghị liên hệ theo số điện thoại cơ quan: 024.62739.505/515).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- PTTg Thường trực Chính phủ
- Trương Hoà Bình (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để biết);
- Lưu VT, Cục BTTP.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Phan Chí Hiếu

BỘ TƯ PHÁP

ĐỀ CƯƠNG

BÁO CÁO TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGHỀ LUẬT SƯ

(kèm theo Công văn số 686 /BTP-BTTP ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Bộ Tư pháp)

Dùng cho: Liên đoàn luật sư Việt Nam.

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Khái quát bối cảnh, tình hình chung liên quan đến thực hiện Chiến lược phát triển nghề luật sư đến năm 2020 (*viết tắt là Chiến lược*).

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN

1. Công tác triển khai thực hiện Chiến lược

- Việc tổ chức triển khai, tuyên truyền, phổ biến về Chiến lược (ghi rõ hình thức thực hiện).
- Xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược (ghi rõ số hiệu, ngày ban hành văn bản).
- Công tác theo dõi, đôn đốc, giám sát việc thực hiện Chiến lược.
- Đánh giá về nhận thức chung của các cấp, các ngành về vị trí, vai trò của luật sư, hành nghề luật sư.

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, giải pháp nêu trong Chiến lược
(Thống kê số liệu theo Phụ lục kèm theo và tập trung đánh giá chất lượng, hiệu quả đối với từng nội dung).

2.1. Phát triển số lượng luật sư, tổ chức hành nghề luật sư

- Số lượng luật sư phát triển trong 10 năm qua; sự phân bố luật sư theo vùng, miền. Đánh giá việc đạt mục tiêu phát triển theo Kế hoạch của Liên đoàn luật sư.
- Phát triển tổ chức hành nghề luật sư (đánh giá về quy mô, lĩnh vực hoạt động); sự phân bố theo vùng, miền; việc thực hiện chế độ báo cáo với cơ quan có thẩm quyền theo quy định.
- Thống kê số lượng tổ chức hành nghề luật sư có quy mô lớn, hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực thương mại quốc tế; số lượng luật sư hành nghề chuyên sâu trong lĩnh vực thương mại quốc tế.

2.2. Phát triển chất lượng luật sư

- Chất lượng tập sự hành nghề luật sư (những kết quả nổi bật trong thời gian gần đây).

- Chất lượng luật sư, chất lượng hành nghề luật sư (số lượng và tỉ lệ luật sư có trình độ cử nhân, qua đào tạo nghề luật sư; việc đáp ứng nhu cầu dịch vụ pháp lý của xã hội; việc tham gia và hoàn thành các khoá đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu của luật sư - số lượng tính tại thời điểm ngày 31/12/2011 và ngày 31/12/2019).

- Tình hình luật sư được bồi dưỡng thường xuyên về nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng hành nghề và đạo đức ứng xử nghề nghiệp.

- Ý thức chấp hành pháp luật, Quy tắc đạo đức nghề nghiệp của luật sư, Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam.

2.3. Hoạt động hành nghề luật sư

- Hoạt động tham gia tố tụng, tư vấn pháp luật và dịch vụ pháp lý khác.

- Hoạt động tham gia giải quyết tranh chấp thương mại và hoà giải thương mại.

- Hoạt động tư vấn pháp luật miễn phí; trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đối tượng chính sách và công tác xã hội khác (đánh giá, phân biệt rõ giữa trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật TGPL và trợ giúp pháp lý miễn phí theo quy định của Luật luật sư).

- Việc luật sư tham gia các vụ án hình sự theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng.

- Sự phối hợp giữa luật sư, Đoàn luật sư, Liên đoàn luật sư Việt Nam với các cơ quan điều tra, viện kiểm sát và tòa án trong quá trình tham gia tố tụng.

2.4. Về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư

- Đánh giá thực trạng về trụ sở, cơ sở vật chất của các Đoàn luật sư, sự quan tâm hỗ trợ tạo điều kiện về tài chính, cơ sở vật chất của địa phương.

- Công tác kiện toàn cơ cấu tổ chức của Liên đoàn luật sư Việt Nam, các Đoàn luật sư.

- Công tác xây dựng, ban hành các Quy chế nội bộ của Liên đoàn, các Đoàn luật sư.

- Đánh giá về việc thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn:

- + Bảo vệ, hỗ trợ quyền hành nghề của luật sư.

- + Giám sát tập sự hành nghề luật sư.

- + Giám sát luật sư trong việc tuân theo pháp luật, Quy tắc đạo đức ứng xử

nghề nghiệp của luật sư, Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam; công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho luật sư.

- + Kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư.
- + Giải quyết khiếu nại, tố cáo.
- + Hợp tác quốc tế.
- + Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật luật sư.
- Công tác phát triển đảng viên; việc phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư.
- Đánh giá về đóng góp của luật sư trong việc tham gia hỗ trợ các cơ quan nhà nước giải quyết khiếu nại, tố cáo (tổng số vụ việc, kết quả tham gia); đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh trật tự; đóng góp cho ngân sách, giải quyết việc làm và hoạt động khác.
- Việc tập hợp đội ngũ luật sư thành viên trong việc đóng góp xây dựng thể chế, chính sách; tham gia hoạt động chung của Đoàn luật sư, Liên đoàn luật sư Việt Nam (hoạt động cụ thể).
- Sự phối hợp giữa Liên đoàn luật sư Việt Nam, Đoàn luật sư với cơ quan quản lý nhà nước về luật sư, cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan khác.

2.5. Về quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của luật sư

- Hỗ trợ từ ngân sách Trung ương đối với tổ chức, hoạt động Liên đoàn luật sư Việt Nam (kinh phí hỗ trợ hàng năm).
- Công tác phối hợp, chỉ đạo trong quá trình tổ chức Đại hội nhiệm kỳ của Liên đoàn luật sư và các Đoàn luật sư.
- Đánh giá về những kết quả, tác động của thể chế, chính sách về luật sư đối với tổ chức và hoạt động của luật sư.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Khó khăn, vướng mắc

- Khó khăn, vướng mắc trong việc phát triển số lượng, chất lượng luật sư.
- Khó khăn, vướng mắc trong việc phát triển tổ chức hành nghề luật sư
- Khó khăn, vướng mắc trong tổ chức và hoạt động của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư
- Khó khăn, vướng mắc trong quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư.
- Khó khăn, vướng mắc khác.

2. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

- Nguyên nhân khách quan.
- Nguyên nhân chủ quan.

3. Một số bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện Chiến lược

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Giải pháp phát triển nghề luật sư trong thời gian tới.
2. Đề xuất với Quốc hội trong việc hoàn thiện thể chế về luật sư và hành nghề luật sư.
3. Đề xuất Chính phủ ban hành Kết luận của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Chiến lược hoặc dừng thực hiện Chiến lược.
4. Đề xuất đối với bộ, ngành liên quan.
5. Đề xuất, kiến nghị khác.

(Kèm theo Đề cương này 01 Phụ lục thống kê số liệu)./.

BỘ TƯ PHÁP

ĐỀ CƯƠNG

BÁO CÁO TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGHỀ LUẬT SƯ

(kèm theo Công văn số 686 /BTP-BTTP ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Bộ Tư pháp)

Dùng cho: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Khái quát bối cảnh, tình hình chung liên quan đến thực hiện Chiến lược phát triển nghề luật sư đến năm 2020 (*viết tắt là Chiến lược*).

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN

1. Công tác triển khai thực hiện Chiến lược

- Việc tổ chức triển khai, tuyên truyền, phổ biến về Chiến lược (ghi rõ hình thức thực hiện).

- Xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược tại địa phương (ghi rõ số hiệu, ngày ban hành văn bản).

- Công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chiến lược.

- Đánh giá về nhận thức chung của các cấp, các ngành về vị trí, vai trò của luật sư, hành nghề luật sư. Sự quan tâm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển nghề luật sư.

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, giải pháp nêu trong Chiến lược
(*Thống kê số liệu theo Phụ lục kèm theo và tập trung đánh giá chất lượng, hiệu quả đối với từng nội dung*).

2.1. Phát triển số lượng luật sư, tổ chức hành nghề luật sư

- Số lượng luật sư phát triển trong 10 năm qua; sự phân bố luật sư theo vùng, miền. Đánh giá việc đạt mục tiêu phát triển theo Kế hoạch của Liên đoàn luật sư.

- Phát triển tổ chức hành nghề luật sư (đánh giá về quy mô, lĩnh vực hoạt động); sự phân bố theo vùng, miền; việc thực hiện chế độ báo cáo với cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Thống kê số lượng tổ chức hành nghề luật sư có quy mô lớn, hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực thương mại quốc tế; số lượng luật sư hành nghề chuyên sâu trong lĩnh vực thương mại quốc tế (nếu có).

2.2. Phát triển chất lượng luật sư

- Chất lượng tập sự hành nghề luật sư (những kết quả nổi bật trong thời gian gần đây).

- Chất lượng luật sư, chất lượng hành nghề luật sư (số lượng và tỉ lệ luật sư có trình độ cử nhân, qua đào tạo nghề luật sư; việc đáp ứng nhu cầu dịch vụ pháp lý của xã hội; việc tham gia và hoàn thành các khoá đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu của luật sư - số lượng tính đến thời điểm ngày 31/12/2011 và ngày 31/12/2019).

- Ý thức chấp hành pháp luật của luật sư.

2.3. Hoạt động hành nghề luật sư

- Hoạt động tham gia tố tụng, tư vấn pháp luật và dịch vụ pháp lý khác.

- Hoạt động tham gia giải quyết tranh chấp thương mại và hoà giải thương mại.

- Hoạt động tư vấn pháp luật miễn phí; trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đối tượng chính sách và công tác xã hội khác (đánh giá, phân biệt rõ giữa trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật TGPL và trợ giúp pháp lý miễn phí theo quy định của Luật luật sư).

- Việc luật sư tham gia các vụ án hình sự theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng.

- Hoạt động của luật sư nước ngoài, tổ chức nước ngoài hành nghề luật sư (nếu có), số lượng vụ việc; những đóng góp của luật sư nước ngoài, tổ chức luật sư nước ngoài đối với việc triển khai Chiến lược.

- Hoạt động của luật sư Việt Nam đang hành nghề, tập sự trong các tổ chức luật sư nước ngoài (số lượng người tập sự; số luật sư đang hành nghề trong các tổ chức luật sư nước ngoài, nếu có).

- Sự phối hợp giữa luật sư, Đoàn luật sư với các cơ quan điều tra, viện kiểm sát và tòa án trong quá trình tham gia tố tụng.

2.4. Về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư (nêu rõ nhiệm vụ nào đạt yêu cầu, làm tốt hoặc hạn chế...)

- Đánh giá về việc thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn luật sư:

+ Bảo vệ, hỗ trợ quyền hành nghề của luật sư.

+ Giám sát tập sự hành nghề luật sư.

+ Giám sát việc tuân theo pháp luật, quy tắc đạo đức và ứng xử nghề

nghiệp của luật sư; giáo dục chính trị, tư tưởng cho luật sư.

- + Giải quyết khiếu nại, tố cáo.
- + Hợp tác quốc tế.
- + Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật luật sư.
- Công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên là luật sư; việc phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư.
- Việc luật sư tham gia hỗ trợ các cơ quan nhà nước giải quyết khiếu nại, tố cáo (tổng số vụ việc, kết quả tham gia).
- Đánh giá về đóng góp của luật sư trong việc tham gia xây dựng chính sách tại địa phương; phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh trật tự; đóng góp cho ngân sách, giải quyết việc làm; tham gia hoạt động chung của Đoàn luật sư, địa phương và hoạt động khác (hoạt động cụ thể).
- Sự phối hợp giữa Đoàn luật sư với cơ quan quản lý nhà nước về luật sư, cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan khác.

2.5. Về quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của luật sư

- Các chính sách, giải pháp cụ thể của địa phương về phát triển nghề luật sư (ghi rõ số hiệu, ngày ban hành văn bản).
- Hỗ trợ của địa phương đối với tổ chức, hoạt động luật sư (số kinh phí hỗ trợ hàng năm; trụ sở làm việc...).
- Công tác hướng dẫn, chỉ đạo kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự Đoàn luật sư qua các nhiệm kỳ.
- Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức luật sư và hành nghề luật sư (nêu rõ số cuộc thanh tra, kiểm tra; hành vi vi phạm phổ biến; hình thức xử lý).
- Việc cấp, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam; tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam (nếu có).

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Khó khăn, vướng mắc

- Khó khăn, vướng mắc trong việc phát triển số lượng, chất lượng luật sư.
- Khó khăn, vướng mắc trong việc phát triển tổ chức hành nghề luật sư
- Khó khăn, vướng mắc trong tổ chức và hoạt động của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư

- Khó khăn, vướng mắc trong quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư.

- Khó khăn, vướng mắc khác.

2. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

- Nguyên nhân khách quan.

- Nguyên nhân chủ quan.

3. Một số bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện Chiến lược

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Giải pháp phát triển nghề luật sư trong thời gian tới.

2. Đề xuất với Quốc hội trong việc hoàn thiện thể chế về luật sư và hành nghề luật sư.

3. Đề xuất Chính phủ ban hành Kết luận của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Chiến lược hoặc dừng thực hiện Chiến lược.

4. Đề xuất đối với bộ, ngành liên quan.

5. Đề xuất, kiến nghị khác.

(Kèm theo Đề cương này 02 Phụ lục thống kê số liệu)./.

BỘ TƯ PHÁP

ĐỀ CƯƠNG

BÁO CÁO TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGHỀ LUẬT SƯ

(kèm theo Công văn số 686/BTP-BTTP ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Bộ Tư pháp)

Dùng cho: Các cơ quan tiến hành tố tụng

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Khái quát bối cảnh, tình hình chung liên quan đến thực hiện Chiến lược phát triển nghề luật sư đến năm 2020 (*viết tắt là Chiến lược*).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác phổ biến triển khai Chiến lược.

2. Việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật về tố tụng liên quan đến luật sư (trích yếu rõ các văn bản được xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung có nội dung liên quan đến luật sư kể từ sau khi ban hành Chiến lược).

3. Cơ chế bảo đảm để luật sư thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của luật sư khi tham gia tố tụng (nội quy, quy chế phiên tòa).

4. Việc chấp hành, thực hiện quy định về thủ tục bảo đảm quyền hành nghề của luật sư của các cơ quan có thẩm quyền (tiếp nhận đăng ký, ra thông báo chấp nhận cho luật sư tham gia tố tụng...).

5. Đánh giá về hoạt động hành nghề luật sư

- Hoạt động tham gia tố tụng (số lượng vụ việc cần luật sư tham gia, tỉ lệ luật sư tham gia các vụ án, chất lượng tham gia).

- Hoạt động đại diện ngoài tố tụng (số lượng, chất lượng luật sư tham gia).

- Việc chấp hành pháp luật, quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của luật sư trong quá trình tham gia tố tụng.

6. Sự phối hợp của Liên đoàn luật sư Việt Nam, các Đoàn luật sư, luật sư liên quan đến hoạt động tham gia tố tụng của luật sư (phối hợp trong quá trình giải quyết vụ án; công tác xây dựng các quy chế phối hợp; công tác theo dõi, giám sát việc tuân theo pháp luật, nội quy phiên tòa, quy tắc đạo đức nghề nghiệp của luật sư, xử lý các hành vi vi phạm của luật sư khi tham gia tố tụng...).

III. HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

2. Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc

- Nguyên nhân khách quan.
- Nguyên nhân chủ quan.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

(Kèm theo Đề cương này Phụ lục thống kê số liệu)./.

BỘ TƯ PHÁP

PHỤ LỤC SỐ 1

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG LUẬT SƯ, KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA LUẬT SƯ, XỬ LÝ KỶ LUẬT LUẬT SƯ

(Dùng cho Liên đoàn luật sư Việt Nam)

Năm	Tổng số luật sư	Số luật sư ra khỏi danh sách luật sư		Kết quả thực hiện một số quyền, nghĩa vụ của luật sư					Xử lý kỷ luật luật sư					
		Tổng ¹	Trong đó: Thôi hành nghề theo nguyện vọng	Tổng số vụ án hình sự thực hiện theo chỉ định	Tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý thực hiện theo quy định của Luật luật sư	Tổng số luật sư thực hiện nghĩa vụ bồi dưỡng bắt buộc về chuyên môn, nghiệp vụ			Khiển trách	Cảnh cáo	Tạm đình chỉ tư cách thành viên Đoàn luật sư	Xóa tên khỏi danh sách của Đoàn luật sư		
						Tổng số luật sư thực hiện đầy đủ	Tổng số luật sư thực hiện chưa đầy đủ	Tổng số luật sư không thực hiện				Tổng số	Trong đó: Số luật sư không đóng phí thành viên	Trong đó: Số luật sư bị xử lý hình sự
2011														
2012														
2013														
2014														
2015														
2016														
2017														
2018														
2019														

¹ Bao gồm những người bị xử lý kỷ luật xóa tên, thôi hành nghề theo nguyện vọng và lý do khác

BỘ TƯ PHÁP

PHỤ LỤC SỐ 2

THỐNG KÊ TỔNG SỐ LUẬT SƯ, TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ, KẾT QUẢ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

(Dùng cho: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

[illegible]

BỘ TƯ PHÁP

PHỤ LỤC SỐ 3

THỐNG KÊ VỀ VIỆC XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH CỦA LUẬT SƯ

(Dùng cho: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

Năm	Luật sư trong nước			Luật sư nước ngoài		
	Tổng số tổ chức thanh tra	Tổng số quyết định xử phạt	Tổng số tiền phạt	Tổng số tổ chức thanh tra	Tổng số quyết định xử phạt	Tổng số tiền phạt
2011						
2012						
2013						
2014						
2015						
2016						
2017						
2018						
2019						

BỘ TƯ PHÁP

PHỤ LỤC SỐ 4

THỐNG KÊ VỀ VIỆC THAM GIA CỦA LUẬT SƯ TRONG CÁC GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA, TRUY TỐ, XÉT XỬ

(Dùng cho cơ quan tiến hành tố tụng)

Năm	Giai đoạn điều tra		Giai đoạn truy tố		Giai đoạn xét xử											
	Tổng số vụ án	Số vụ án có luật sư tham gia	Tổng số vụ án	Số vụ án có luật sư tham gia	Sơ thẩm				Phúc thẩm				Sau phúc thẩm			
					Án hình sự		Án dân sự, kinh tế, hành chính		Án hình sự		Án dân sự, kinh tế, hành chính		Án hình sự		Án dân sự, kinh tế, hành chính	
					Tổng số vụ án	Số vụ án có luật sư tham gia	Tổng số vụ việc	Số vụ việc có luật sư tham gia	Tổng số vụ án	Số vụ án có luật sư tham gia	Tổng số vụ việc	Số vụ việc có luật sư tham gia	Tổng số vụ án	Số vụ án có luật sư tham gia	Tổng số vụ việc	Số vụ việc có luật sư tham gia
2011																
2012																
2013																
2014																
2015																
2016																
2017																
2018																
2019																

Ghi chú: Giai đoạn điều tra và truy tố: Dùng cho Bộ Công an và VKSND dân tối cao; Giai đoạn xét xử: Dùng cho Tòa án nhân dân tối cao